

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-9-2022

“Về tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Võ Đức Huy.
2- Ông Nguyễn Tấn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thường Ân – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 220/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Kim T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số 2/13 khu phố Nhà Dài, thị trấn T, huyện T, tỉnh L. (có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Trần Tiến T1, sinh năm 1987. Địa chỉ: khu phố R, thị trấn T, huyện T, tỉnh L. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25-10-2021, nguyên đơn là bà Võ Thị Kim T trình bày: Bà T và ông Trần Tiến T1 cưới nhau vào năm 2010, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T vào ngày 20-5-2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc bên nhà cha mẹ chồng, sau một thời gian thì ông T1 không lo làm ăn, sa đà vào ăn chơi, không còn biết lo cho vợ con. Bà T có khuyên nhưng ông T1 vẫn không sửa nên vợ chồng thường mâu thuẫn. Đầu năm 2021, sau một cuộc cự cãi bà T đưa con về nhà cha mẹ ruột ở đến nay. Do tình cảm không còn, vợ chồng không hàn gắn được vì vậy bà T xin được ly hôn với ông T1. Về con chung, bà T và ông T1 có 01 đứa con chung tên Trần Tiến P, sinh ngày 04-8-2011, hiện con đang ở cùng bà T. Khi ly hôn bà T yêu cầu được

trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thông báo cho bị đơn là ông Trần Tiến T1 biết việc bà T yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng ông T1 không trình bày ý kiến, không tham gia hòa giải.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An: Quá trình thụ lý vụ án Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự phiên tòa sơ thẩm. Về quan điểm giải quyết vụ án: Hôn nhân giữa Võ Thị Kim T và ông Trần Tiến T1 hôn nhân hợp pháp, sau thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp. Từ đầu năm 2021 đến nay vợ chồng không còn sống chung và không có khả năng đoàn tụ, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho bà T được ly hôn với ông T1. Về con chung, hiện tại con đang ở cùng bà T nên giao bà T trực tiếp nuôi con, ông T1 không phải cấp dưỡng cho con do bà T từ chối. Về tài sản chung, nợ chung không có ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện bà Võ Thị Kim T yêu cầu được ly hôn với ông Trần Tiến T1 vì vậy xác định tranh chấp giữa bà T và ông T1 là tranh chấp về ly hôn. Căn cứ theo Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm. Tòa án thông báo cho ông T1 biết việc bà T khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn, đồng thời thông báo ngày giờ mở phiên họp, phiên tòa để ông T1 biết tham gia. Tuy nhiên đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai ông T1 cũng không có mặt, bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Theo lời trình bày của bà T và tài liệu đã thu thập xác định hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T vào ngày 20-5-2011. Thời gian đầu sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau ông T1 không giúp đỡ, chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình cùng với bà T từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lớn, đến đầu năm 2021 bà T đưa con về nhà cha mẹ ruột ở, từ đó đến nay vợ chồng không đoàn tụ được. Như vậy hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, cho bà T được ly hôn với ông T1.

[3] Về con chung: Bà T và ông T1 có 01 con chung tên Trần Tiến P, sinh ngày 04-8-2011, hiện tại con đang ở cùng bà T. Khi ly hôn bà T yêu cầu được

trực tiếp nuôi con, ông T1 không phản đối, nguyện vọng của con là muốn sống với mẹ. Vì vậy căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao bà T trực tiếp nuôi con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Do bà T từ chối việc cấp dưỡng nuôi con của ông T1 nên không buộc ông T1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bà T phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều: 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim T đối với ông Trần Tiến T1.

Về hôn nhân: Bà Võ Thị Kim T được ly hôn với ông Trần Tiến T1.

Về con chung: Giao bà Võ Thị Kim T trực tiếp nuôi 01 con chung tên Trần Tiến P, sinh ngày 04-8-2011. Ông Trần Tiến T1 không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng được có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung không giải quyết.

2- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0002540 ngày 06-7-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Bà Võ Thị Kim T đã nộp đủ án phí.

3- Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- UBND thị trấn T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Quốc Tiến